

Bản án số: **223/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/9/2026.

Về việc: “*T/c về ly hôn; nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thắng;

2. Bà Châu Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 477/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn; nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 900/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mai L, sinh năm 1987;

Căn cước công dân: 089186009621

Nơi thường trú: : Tổ G, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1982;

Căn cước công dân: 089082028652

Nơi thường trú: Tổ G, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mai L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn L1 vắng mặt không lý do; đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mai L và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Bà Huỳnh Thị Mai L sống chung với ông Trần Văn L1 từ năm 2006, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có kê khai đăng ký

kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, An Giang (giấy kết hôn số 82 ngày 04/8/2011). Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, anh Trần Văn L1 không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau, sống không còn hạnh phúc và đã ly thân được 12 năm nay. Vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Trần Thị Bé L2 sinh ngày 10/4/2006, Trần Văn P sinh ngày 13/9/2008, Trần Văn Đ sinh ngày 01/5/2011; hiện 02 cháu Trần Văn P và Trần Văn Đ đang sống chung với bà Huỳnh Thị Mai L; riêng Trần Thị Bé L2 đã trưởng thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Mai L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L1; về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung Trần Văn P và Trần Văn Đ, không yêu cầu ông Trần Văn L1 cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu Trần Thị Bé L2 đã trưởng thành; về tài sản thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Mai L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Về phía bị đơn ông Trần Văn L1 thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng ông Trần Văn L1 đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì ông Trần Văn L1 có nơi thường trú tại tổ G, ấp T, xã C, tỉnh An Giang; hiện tại ông Trần Văn L1 không thường xuyên có mặt ở địa phương nhưng không cung cấp nơi sinh sống và làm việc mới nên Tòa án đã thông qua Thừa phát L3 thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung; ông Trần Văn L1 thường trú tại xã C, tỉnh An Giang; căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 14 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mai L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn L1 vắng mặt lần thứ hai không lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị Mai L đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với ông Trần Văn L1 từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên bà Huỳnh Thị Mai L xin được ly hôn với ông Trần Văn L1. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Mai L và ông Trần Văn L1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại đã sống ly

thân 12 năm, Tòa án nhiều lần mời ông Trần Văn L1 để hòa giải cho ông, bà đoàn tụ nhưng ông Trần Văn L1 không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa ông, bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mai L là được ly hôn với ông Trần Văn L1.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Bà Huỳnh Thị Mai L thừa nhận 03 cháu tên Trần Thị Bé L2 sinh ngày 10/4/2006, Trần Văn P sinh ngày 13/9/2008, Trần Văn Đ sinh ngày 01/5/2011 là con chung của bà và ông Trần Văn L1, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện điều này; do đó, cần công nhận các cháu Trần Thị Bé L2, Trần Văn P, Trần Văn Đ là con chung của bà Huỳnh Thị Mai L và ông Trần Văn L1; đồng thời, phía bà Huỳnh Thị Mai L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Trần Văn P và Trần Văn Đ. Xét thấy, từ khi không còn sống chung nữa thì các cháu đã sống chung với bà Huỳnh Thị Mai L đến nay; đồng thời, ông Trần Văn L1 cũng không có ý kiến phản đối; do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mai L là giao các cháu Trần Văn P và Trần Văn Đ cho bà Huỳnh Thị M Liên tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra, phía bà Huỳnh Thị Mai L không yêu cầu ông Trần Văn L1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do bà Huỳnh Thị Mai L có yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn L1 nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Mai L là được ly hôn với ông Trần Văn L1.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận các cháu Trần Thị Bé L2 sinh ngày 10/4/2006, Trần Văn P sinh ngày 13/9/2008, Trần Văn Đ sinh ngày 01/5/2011 là con chung của bà Huỳnh Thị Mai L và ông Trần Văn L1;

- Bà Huỳnh Thị Mai L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Trần Văn P và Trần Văn Đ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); riêng cháu Trần Thị Bé L2 đã trưởng thành.

- Ông Trần Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Huỳnh Thị Mai L, do bà không yêu cầu.

- Bà Huỳnh Thị Mai L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Trần Văn L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

** Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận.

** Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Bà Huỳnh Thị Mai L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003568 ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; được khấu trừ nên bà Huỳnh Thị Mai L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Các đương sự;
- UBND xã Cô Tô;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hoàng Huy Hùng

